

Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1214

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Một thang dài 5 m dựa vào tường, chân thang cách tường 3 m. Thang cao bao nhiêu mét trên tường?

A. 2 m

B. $\sqrt{34}$ m

C. 8 m

D. 4 m

Câu 2: Chia đơn thức $-15x^4 \cdot y^3$ cho đơn thức $5xy^2$ ta được kết quả là:A. $3x^3 \cdot y^2$ B. $-5x^3 \cdot y$ C. $-3x^3 \cdot y$ D. $-15x^3 \cdot y - 3$ **Câu 3:** Rút gọn biểu thức $A = (2x - 1)(2x + 1) - 4x^2$ ta được:A. $8x^2 - 1$

B. 1

C. -1

D. $-1 - 4x^2$ **Câu 4:** Phân tích đa thức $5x^2 + 30x$ thành nhân tử, ta được:A. $5x(x + 30)$ B. $5(x^2 + 6x)$ C. $x(5x + 6)$ D. $5x(x + 6)$ **Câu 5:** Tính nhanh giá trị biểu thức $36^2 - 33^2$:

A. 212

B. 204

C. 207

D. 205

Câu 6: Bậc của đơn thức $5x^2y^3$ là:

A. -3

B. 1

C. 5

D. 14

Câu 7: Giá trị của biểu thức $x^2 - 1$ tại $x = 5$ bằng:

A. 24

B. 27

C. 21

D. 29

Câu 8: Phân tích đa thức $4x^2 + 12x$ thành nhân tử, ta được:A. $4(x^2 + 3x)$ B. $x(4x + 3)$ C. $4x(x + 12)$ D. $4x(x + 3)$

Câu 9: Phân tích đa thức $6x^2 + 24x$ thành nhân tử, ta được:

- A.** $6x(x + 4)$
- B.** $x(6x + 4)$
- C.** $6x(x + 24)$
- D.** $6(x^2 + 4x)$

Câu 10: Phân tích đa thức $x^2 - 18x + 81$ thành nhân tử, ta được:

- A.** $(x - 9)^2$ **B.** $(x + 9)^2$
C. $(x - 9)(x + 9)$ **D.** $x(x - 18)$

Câu 11: Phân tích đa thức $2x^2 + 6x$ thành nhân tử, ta được:

- A.** $2x(x + 3)$ **B.** $x(2x + 3)$
C. $2(x^2 + 3x)$ **D.** $2x(x + 6)$

Câu 12: Phân tích đa thức $6x^2 + 12x$ thành nhân tử, ta được:

- A.** $6x(x + 2)$
- B.** $6x(x + 12)$
- C.** $6(x^2 + 2x)$
- D.** $x(6x + 2)$

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 7. Câu 1–5: trả lời ngắn (ghi đáp số); câu 6–7: tự luận (trình bày lời giải).

Câu 1: Bậc của đơn thức $5x^2y^2$ là: Trả lời:

Câu 2: Tính nhanh giá trị biểu thức $20^2 - 18^2$: Trả lời:

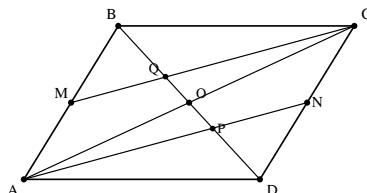
Câu 3: Tính nhanh giá trị biểu thức $22^2 - 18^2$: Trả lời:

Câu 4: Tính nhanh giá trị biểu thức $41^2 - 36^2$: Trả lời:

Câu 5: Tính nhanh giá trị biểu thức $9^2 - 8^2$: Trả lời:

Câu 6: Cho hình bình hành ABCD. Gọi M, N lần lượt là trung điểm của AB và CD.

- a) Chứng minh tứ giác AMCN là hình bình hành.
b) Gọi O là giao điểm của AC và BD . Chứng minh ba điểm M, O, N thẳng hàng.
c) Chứng minh AN và CM cắt BD lần lượt tại hai điểm chia BD thành ba đoạn bằng nhau.
(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)

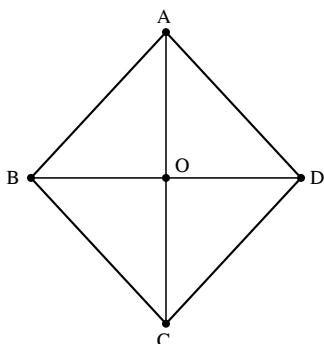


Câu 7: Cho hình bình hành ABCD có $AB = BC$. Hai đường chéo AC và BD cắt nhau tại O .

a) Chứng minh ABCD là hình thoi.

b) Chứng minh AC vuông góc với BD.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử giữa học kỳ 1 môn Toán lớp 8 (Đợt 2)
— Đề số 4

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	C	C	D	C	C	A	D	A	A	A	A

Phần II. Tự luận

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	4	76	160	385	17	(TL)	(TL)

** Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).*